

Số: 90/2013/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 9 năm 2013

NGHỊ QUYẾT
Về phí bảo vệ môi trường đối với
nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH 10 ngày 28/8/2001 về Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

~~Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;~~

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của liên Bộ Tài Chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/3/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Sau khi xem xét Tờ trình số 7255/TTr-UBND ngày 06/9/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, nội dung báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và tổng hợp ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại tổ và kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đính kèm Tờ trình), cụ thể như sau:

1. Tên gọi: Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.
2. Phạm vi điều chỉnh: Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
3. Đối tượng chịu phí: Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là nước thải ra môi trường từ:
 - a) Hộ gia đình;
 - b) Cơ quan nhà nước;
 - c) Đơn vị vũ trang nhân dân (trừ các cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến thuộc các đơn vị vũ trang nhân dân);
 - d) Trụ sở điều hành, chi nhánh, văn phòng hoạt động của các tổ chức (tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức nước ngoài và các tổ chức khác), cá nhân không gắn liền với địa điểm sản xuất, chế biến;
 - đ) Cơ sở: Rửa ô tô, rửa xe máy, sửa chữa ô tô, sửa chữa xe máy;
 - e) Bệnh viện; phòng khám chữa bệnh; nhà hàng, khách sạn; cơ sở đào tạo, nghiên cứu; cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác;
 - g) Các tổ chức, cá nhân và đối tượng khác có nước thải (trừ các đối tượng nộp phí nước thải công nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15/5/2013 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường).

4. Đối tượng không chịu phí

Đối tượng không chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- a) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;
- b) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch (nơi chưa có hệ thống đường ống cấp nước sạch đến hộ gia đình theo quy định cung cấp nước sạch);
- c) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn, bao gồm:
 - Các xã thuộc, miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa (theo quy định của Chính phủ về xã biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa);
 - Các xã không thuộc đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III, IV và V theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Chính phủ về phân loại đô thị.
- d) Các Cơ sở sản xuất, cơ sở chế biến sử dụng nguồn nước từ đơn vị cung cấp nước sạch hoặc nước dưới đất, nước mặt phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp, thì không nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

đ) Nước mưa tự nhiên chảy tràn.

e) Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của tỉnh.

5. Đối tượng nộp phí: Là tổ chức, cá nhân, đơn vị, hộ gia đình có nước thải ra môi trường được quy định tại Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết này.

Trường hợp các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống thoát nước, đã nộp phí thoát nước thì đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước là người nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải tiếp nhận được và thải ra môi trường.

6. Tổ chức thu phí

- Các đơn vị cung cấp nước sạch: Thu phí đối với người nộp phí là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ sở kinh doanh, dịch vụ sử dụng nước của tổ chức cung cấp nước sạch (gọi chung là khách hàng của tổ chức cung cấp nước sạch).

- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: Thu phí đối với người nộp phí là các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cơ sở kinh doanh, dịch vụ tự khai thác nước dưới đất hoặc nước mặt để sử dụng.

7. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt

- Mức thu phí đối với người nộp phí sử dụng nước của đơn vị cung cấp nước sạch hoặc tự khai thác nước sử dụng trên địa bàn thành phố Biên Hòa (trừ 06 xã: Tam Phước, Phước Tân, Tân Hạnh, An Hòa, Hiệp Hòa, Long Hưng) là 10% giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Mức thu phí đối với người nộp phí sử dụng nước của đơn vị cung cấp nước sạch hoặc tự khai thác nước sử dụng trên địa bàn thị trấn thuộc các huyện, các phường thuộc thị xã Long Khánh và 06 xã: Tam Phước, Phước Tân, Tân Hạnh, An Hòa, Hiệp Hòa, Long Hưng thuộc thành phố Biên Hòa là 5% giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Mức thu phí đối với người nộp phí sử dụng nước của đơn vị cung cấp nước sạch hoặc tự khai thác nước sử dụng trên địa bàn các xã còn lại là 3% giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giao UBND tỉnh ban hành giá bán nước sạch cụ thể để thực hiện mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

8. Thời gian thực hiện thu phí

- Đối với đơn vị cung cấp nước sạch: Thực hiện thu phí kể từ ngày nghị quyết này có hiệu lực.

- Đối với UBND xã, phường, thị trấn: Thực hiện thu phí từ ngày 01/01/2014.

9. Quản lý và sử dụng phí

a) Mức trích cho cơ quan thu phí:

- Đối với Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng cấp nước Đồng Nai là 7% trên tổng số tiền phí thu được.

- Đối với các đơn vị cung cấp nước sạch khác là 10% trên tổng số tiền phí thu được.

- Đối với UBND xã, phường, thị trấn là 15% trên tổng số tiền phí thu được.

Trong quá trình thực hiện, do biến động giá cả và các yếu tố chi phí liên quan

đến việc thu phí dẫn đến phải điều chỉnh mức trích dưới 10% mức trích nêu trên thì UBND tỉnh xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh quyết định và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất, điều chỉnh trên 10% mức trích nêu trên phải trình HĐND Tỉnh xem xét quyết định.

b) Số tiền phí thu được, đơn vị thu được trích lại theo tỷ lệ trên để trang trải chi phí cho việc tổ chức thu phí theo quy định. Số tiền thu phí còn lại đơn vị tổ chức thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước để sử dụng cho công tác bảo vệ môi trường, bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương thực hiện cho việc phòng ngừa, hạn chế, kiểm soát ô nhiễm môi trường do nước thải; tổ chức thực hiện các giải pháp phương án công nghiệp, kỹ thuật xử lý nước thải.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của HĐND tỉnh. Sau một năm thực hiện đánh giá tình hình thu, chi và xác định mức tỷ lệ trích phí cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; xem xét trình Thường trực HĐND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, thay thế Nghị quyết số 15/2004/NQ-HĐND7 ngày 16/7/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Nghị quyết số 56/2012/NQ-HĐND ngày 06/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi Nghị quyết số 15/2004/NQ-HĐND7 ngày 16/7/2004 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa VIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 18/9/2013./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính; Bộ TN-MT;
- Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh; Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành; hội, đoàn thể
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐĐN; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.



Trần Văn Tư